



CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỶ LỆ AN TOÀN VỐN

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2021

Nội dung

	Trang
Giới thiệu	4
Quy định về tỷ lệ an toàn vốn	4
Phạm vi công bố thông tin	4
Các chỉ số chính	4
Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn	5
Cơ cấu vốn tự có	5
Tỷ lệ an toàn vốn	7
Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn	7
Kế hoạch vốn	8
Rủi ro tín dụng	9
Chính sách quản lý rủi ro tín dụng	9
Xếp hạng tín nhiệm độc lập sử dụng khi tính CAR	12
Giảm thiểu rủi ro tín dụng	14
Rủi ro hoạt động	16
Chính sách quản lý rủi ro hoạt động	16
Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục	17
Rủi ro thị trường	18
Chính sách quản lý rủi ro thị trường	18
Chiến lược tự doanh	18
Danh mục thuộc sở kinh doanh	19

Bảng

	Trang
Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có	5
Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn	8
Bảng 3: TSCRR tín dụng theo loại khoản phải đòi	10
Bảng 4: TSCRR tín dụng đối tác theo loại sản phẩm	10
Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành	11
Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước	12
Bảng 7: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài	13
Bảng 8.1: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (riêng lẻ)	14
Bảng 8.2: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (hợp nhất)	15
Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ	17
Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT	20

Danh mục viết tắt

CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
RWA	Tổng tài sản tính theo rủi ro trọng yếu
ICAAP	Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn
CRM	Giảm thiểu rủi ro tín dụng
ĐCTC	Định chế tài chính
ECAIs	Cơ quan xếp hạng tín dụng độc lập
HSRR	Hệ số rủi ro
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
RRTD	Rủi ro tín dụng
RRHĐ	Rủi ro hoạt động
RRTT	Rủi ro thị trường
TCTD	Tổ chức tín dụng
TPCP	Trái phiếu chính phủ
TSCRR	Tài sản có rủi ro
XHTNĐL	Xếp hạng tín nhiệm độc lập
XHTDNB	Xếp hạng tín dụng nội bộ

Giải thích thuật ngữ

TSCRR tín dụng	Tổng tài sản có chịu RRTD của ABBANK, không bao gồm rủi ro tín dụng đối tác
Thông tư 41	Thông tư 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
Thông tư 35	Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các TCTD
Thông tư 13	Thông tư 13/2018/TT-NHNN Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Giới thiệu

Quy định về tỷ lệ an toàn vốn

Kể từ 01/01/2020, ABBANK chính thức tuân thủ quy định Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Thông tư 41) về tỷ lệ an toàn vốn đối với các TCTD theo tiêu chuẩn Basel. Theo đó, ABBANK thực hiện tính toán TSCRR và yêu cầu về vốn tối thiểu theo Phương pháp tiêu chuẩn (Standardized approach – SA), để xác định tỷ lệ an toàn vốn (CAR).

Thông tư 41 cũng yêu cầu các ngân hàng thực hiện công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn và khung chính sách quản trị rủi ro định kỳ 6 tháng 1 lần.

Việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư 41 nhằm cung cấp cho các bên liên quan (nhà đầu tư, khách hàng, đối tác, cơ quan quản lý,...) thông tin minh bạch về trạng thái vốn, giá trị tài sản có rủi ro cũng như khung quản lý rủi ro của ngân hàng, từ đó đánh giá được mức độ đủ vốn và năng lực quản trị rủi ro của ABBANK.

Phạm vi công bố thông tin

Báo cáo công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn cung cấp thông tin định lượng và định tính, được xây dựng theo quy định tại Điều 20 và Phụ lục 5 của Thông tư 41, bao gồm: (1) Vốn tự có, (2) Tài sản có rủi ro theo các rủi ro trọng yếu quy định trong Thông tư 41 và (3) Khung quản lý rủi ro.

Báo cáo này được xây dựng dựa theo quy định công bố thông tin của ABBANK và được đăng tải 6 tháng một lần tại website của ngân hàng: <https://www.abbank.vn>.

Thông tin công bố được đối chiếu với báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng kỳ.

Kỳ công bố tỷ lệ an toàn vốn kỳ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Trong báo cáo này, thuật ngữ “yêu cầu về vốn” và “vốn yêu cầu” được hiểu là tổng vốn yêu cầu tối thiểu được quy định ở mức 8% của TSCRR theo Điều 6, Thông tư 41.

Đơn vị: tỷ đồng

Các chỉ số chính

<i>Riêng lẻ</i>		<i>Hợp nhất</i>	
CAR	12,66%	CAR	12,74%
CAR cấp 1	12,13%	CAR cấp 1	12,21%
Tổng vốn tự có hợp lệ	12.163	Tổng vốn tự có hợp lệ	12.241
Tổng TSCRR	96.051	Tổng TSCRR	96.047
HSRR tín dụng bình quân	80%	HSRR tín dụng bình quân	80%

Phạm vi tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có hai công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình ("ABBA")	Giấy phép Kinh doanh số 0104009199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 1 năm 2010	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ ABBA ("ABBAS") (*)	Giấy phép Kinh doanh số 0106112803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 2 năm 2013	Dịch vụ bảo vệ	100%

(*) ABBAS được sở hữu gián tiếp bởi Ngân hàng thông qua ABBA.

Số liệu các công ty con này được hợp nhất với công ty mẹ và trình bày trên báo cáo hợp nhất của ABBANK.

Tại ngày 31/12/2021 ABBANK không có khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất vào vốn khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

Cơ cấu vốn tự có

Đơn vị: tỷ đồng

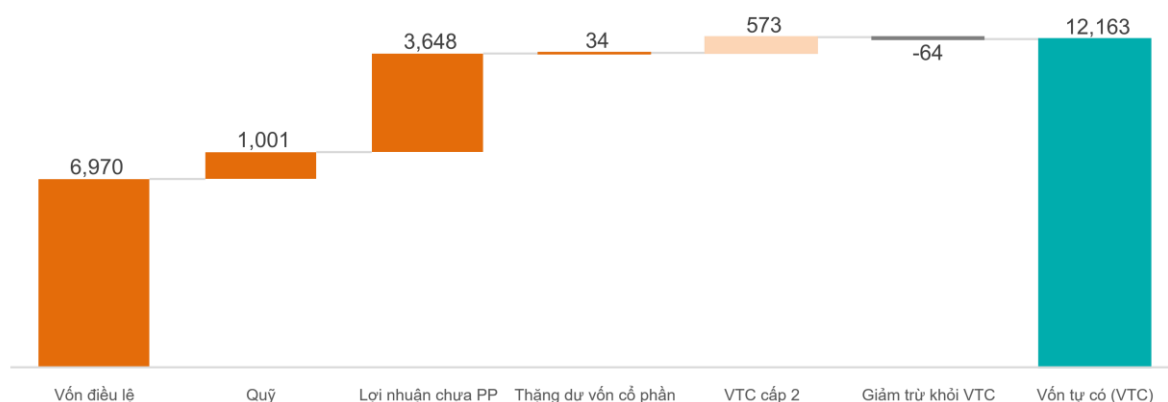
Bảng 1: Cơ cấu Vốn tự có		Riêng lẻ	Hợp nhất
A1	Vốn cấp 1	11.654	11.724
A2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 1	-	-
A	Tổng Vốn cấp 1 (A = A1-A2)	11.654	11.724
B1	Vốn cấp 2	733	735
B2	Các khoản phải trừ khỏi Vốn cấp 2	160	160
B	Tổng Vốn cấp 2 (B=B1-B2)	573	575
C	Các khoản mục giảm trừ khi tính vốn tự có	64	58
D	Vốn tự có (D=A+B-C)	12.163	12.241

Tại 31/12/2021, Vốn tự có của ABBANK bao gồm Vốn tự có cấp 1, Vốn tự có cấp 2 và các khoản giảm trừ khỏi Vốn tự có theo quy định của Thông tư 41.

Công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ kỳ hạn gốc 10 năm và kỳ hạn còn lại dưới 3 năm, đáp ứng đầy đủ quy định của Thông tư 41 để ghi nhận nợ thứ cấp vào Vốn tự có cấp 2 của ABBANK.

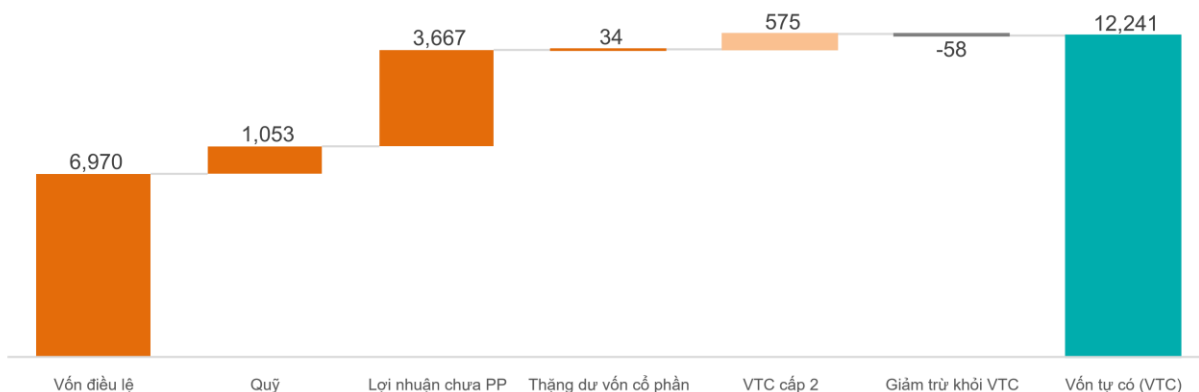
CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ RIÊNG LẺ

Đơn vị: tỷ đồng



CƠ CẤU VỐN TỰ CÓ HỢP NHẤT

Đơn vị: tỷ đồng



Tỷ lệ an toàn vốn

ABBANK duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) riêng lẻ ở mức 8.72% - 12.88% trong các tháng năm 2021, luôn cao hơn tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN (8%). Từ tháng 2/2021, CAR của ABBANK luôn cao hơn CAR mục tiêu trong khẩu vị rủi ro năm 2021 (9%) nhờ mức vốn tự có cao và áp dụng các biện pháp tối ưu RWA.

Quy trình tính tỷ lệ an toàn vốn

Dựa trên nền tảng OFSAA do Oracle phát triển, ABBANK vận hành hệ thống tính toán tự động CAR để cung cấp kết quả CAR định kỳ và đột xuất theo quy định của NHNN và yêu cầu quản trị nội bộ.

Việc đầu tư vào hệ thống tính toán tự động CAR nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, kịp thời cho quá trình tính toán, đồng thời thiết lập các nguyên tắc tính toán chính xác, linh hoạt.

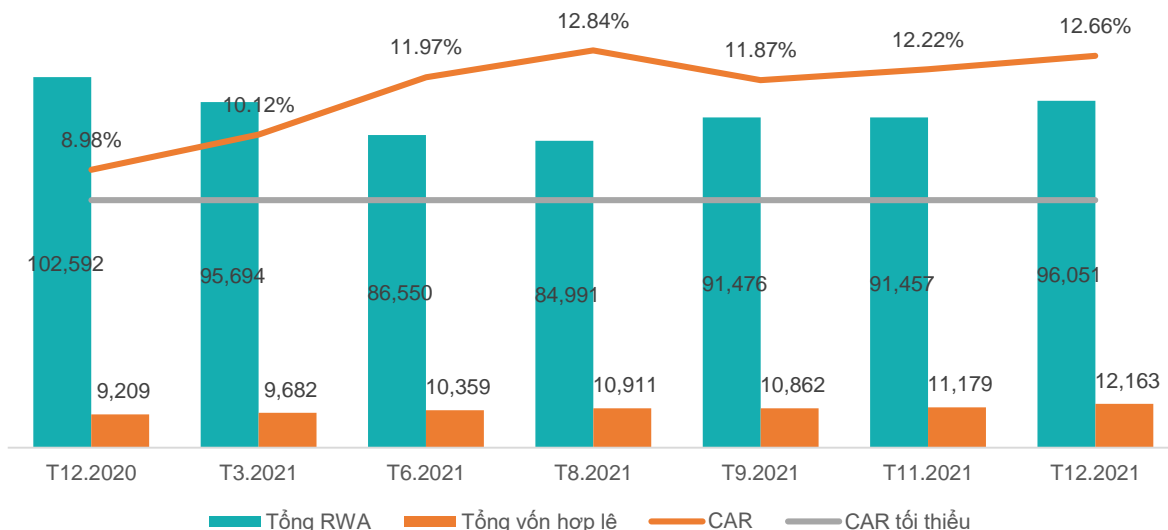
Hệ thống CAR giúp ABBANK giảm thiểu các rủi ro tác nghiệp, đảm bảo tính chính xác và kịp thời của kết quả đầu ra.

ABBANK khai thác kết quả Tài sản có rủi ro (TSCR) của danh mục theo các chiều riêng biệt (sản phẩm, khách hàng, v.v.) nhằm tối ưu TSCR và CAR, hỗ trợ cho công tác điều hành và quản lý CAR.

Để vận hành hệ thống hiệu quả, ABBANK đã ban hành Quy định tính toán, báo cáo và quản lý tỷ lệ an toàn vốn quy định chi tiết bao gồm vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các bên liên quan trong quy trình thu thập dữ liệu, tính toán CAR và thực hiện báo cáo tuân thủ cũng như các báo cáo quản trị nội bộ liên quan.

CAR&RWA THÔNG TƯ 41

Đơn vị: tỷ đồng



Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 2: Tỷ lệ an toàn vốn

	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
Tổng giá trị Tài sản có rủi ro	96.051	96.047
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	77.898	77.817
A Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	1.755	1.755
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	8.487	8.564
Tài sản tính theo rủi ro thị trường	7.910	7.910
Tổng vốn tự có hợp lệ	12.163	12.241
B Vốn cấp 1 (sau giảm trừ)	11.654	11.724
Vốn cấp 2 (sau giảm trừ)	573	575
Các khoản trừ khác	64	58
C Yêu cầu vốn tối thiểu và các tỷ lệ vốn		
Tỷ lệ vốn cấp 1	12,13%	12,21%
Tỷ lệ an toàn vốn	12,66%	12,74%

Kế hoạch vốn

ABBANK thực hiện quy trình đánh giá mức đủ vốn nội bộ (ICAAP) hàng năm theo quy định của Thông tư 13 và thông lệ tiên tiến của Basel.

Trong đó, ABBANK đã xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với kế hoạch kinh doanh trung hạn 2021-2025 cũng như khẩu vị rủi ro của Ngân hàng. Cụ thể, ABBANK xác định vốn mục tiêu trong giai đoạn 2021-2025 và xây dựng phương án tăng vốn để đảm bảo đáp ứng mức vốn mục tiêu như sau:

❖ Giai đoạn 1: tăng vốn điều lệ giai đoạn 1 từ 5.713 tỷ VNĐ lên 6.969 tỷ VNĐ trong năm 2021 bằng hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu cho cán bộ, nhân viên theo chương trình ESOP;

❖ Giai đoạn 2: tiếp tục tăng vốn bằng cách chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận chưa phân phối (2.256 tỷ VNĐ) và từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (183 tỷ VNĐ) trong năm 2022;

Việc tăng vốn góp phần cải thiện đáng kể tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của ABBANK trong giai đoạn tiếp theo từ 2021-2025.

ABBANK đã thực hiện ICAAP năm 2021 nhằm xây dựng kế hoạch vốn đáp ứng vốn mục tiêu trong giai đoạn 2022-2025. Trong đó, ABBANK thực hiện phân bổ vốn cho các đơn vị sở hữu Sở / Khối kinh doanh để tăng cường hiệu quả sử dụng vốn và là cơ sở cho hoạt động giám sát vốn.

Rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng

Chính sách quản lý rủi ro tín dụng (RRTD) là một cấu phần trong Chính sách quản lý rủi ro tổng thể của Ngân hàng, được xây dựng dựa trên các yêu cầu của cơ quan quản lý, và cụ thể hóa với đặc điểm kinh doanh của ABBANK. Chính sách quản lý RRTD đưa ra các nguyên tắc và cơ sở cho hoạt động quản lý RRTD tại ABBANK gồm:

- ❖ Công tác quản lý RRTD được thực hiện theo nguyên tắc của Basel II và tuân thủ các quy định của NHNN trên cơ sở nguồn lực đảm bảo, hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến;
- ❖ Quản lý RRTD toàn diện xuyên suốt 3 tuyến bảo vệ theo Chính sách QLRR, Hạn mức rủi ro, Định hướng tín dụng, Quy trình cấp tín dụng;
- ❖ Xây dựng, và quản trị các mô hình, hệ thống đo lường RRTD tiệm cận với các thông lệ tiên tiến;
- ❖ Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động cấp tín dụng, đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận liên quan đến quản lý RRTD phải được xác định rõ ràng theo nguyên tắc ba tuyến bảo vệ độc lập.

Chiến lược quản lý RRTD

Căn cứ Chính sách quản lý RRTD, Khẩu vị rủi ro và Hạn mức rủi ro tín dụng, chiến lược quản lý RRTD nhằm:

- ❖ Xác định mức RRTD ABBANK có thể chấp nhận để đạt mục tiêu kinh doanh;
- ❖ Thiết lập hệ thống để nhận diện, đo lường, theo dõi, giám sát và báo cáo hiệu quả công tác quản lý RRTD;
- ❖ Quản lý RRTD song song với các mục tiêu chính của Ngân hàng: Hoạt động an toàn và khả năng sinh lời cao nhất trong hoạt động tín dụng.

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (XHTDNB) được xây dựng để đo lường mức độ rủi ro của khách hàng theo định kỳ hoặc khi cần thiết thông qua mức xếp hạng tín dụng.

Kết quả XHTDNB là một trong các cơ sở để xét duyệt cấp tín dụng, quản lý chất lượng tín dụng, xây dựng chính sách dự phòng rủi ro phù hợp với phạm vi hoạt động và tình hình thực tế của Ngân hàng.

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, hệ thống XHTDNB được xem xét, sửa đổi, bổ sung trên cơ sở số liệu, thông tin khách hàng thu thập được trong năm.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRTD

ABBANK đang triển khai thực hiện đo lường rủi ro thông qua các mô hình đo lường rủi ro như: Mô hình Xếp hạng tín dụng/Xác suất khách hàng không trả được nợ: (PD - Probability of Default), Tổn thất khi khách hàng không trả được nợ (LGD - Loss Given Default), Dự nợ khi khách hàng không trả được nợ (EAD

- Exposure at Default) tiệm cận với các tiêu chuẩn tốt của thế giới như IFRS, Basel II, Basel III.

RRTD được theo dõi trong suốt vòng đời của giao dịch tín dụng từ khâu xem xét, thẩm định, phê duyệt và quản lý tín dụng để đảm bảo hoạt động cấp tín dụng tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.

RRTD được kiểm soát chặt chẽ, theo

chiến lược quản lý RRTD, góp phần giảm thiểu RRTD của ABBANK.

Cơ chế trao đổi thông tin về quản lý RRTD được thiết lập theo nhiều chiều (top-down, bottom-up và giữa các bộ phận liên quan), đảm bảo mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận được thông báo, phổ biến, nhận thức thống nhất, đầy đủ về chính sách, quy trình, mục tiêu quản lý RRTD.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 3: TSCRRTín dụng theo loại khoản phải đòi	Riêng lẻ	Hợp nhất
Tài sản là khoản phải đòi	74.400	74.446
Khoản phải đòi Chính phủ	155	155
Khoản phải đòi Định chế tài chính	2.129	2.165
Khoản đòi doanh nghiệp	45.643	45.643
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản (*)	50	50
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	7	7
Khoản phải đòi Bán lẻ	24.508	24.508
Nợ xấu	1.894	1.894
Khoản phải đòi khác	15	23
Các loại tài sản khác	3.498	3.372
Tổng TSCRRTín dụng	77.898	77.817

(*): Bao gồm cả doanh nghiệp và cá nhân; trừ khoản phải đòi thế chấp nhà ở cá nhân khoản cho vay chuyên biệt tài trợ dự án kinh doanh bất động sản

Bảng 4: TSCRRTín dụng đối tác theo loại sản phẩm	Riêng lẻ	Hợp nhất
Giao dịch tự doanh	986	986
Giao dịch repo và giao dịch reserve repo	46	46
Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro	32	32
Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính	691	691
Tổng TSCRRTín dụng đối tác	1.755	1.755

(*): TSCRRTín dụng đối tác chỉ phát sinh với các khoản phải đòi là định chế tài chính trong nước

TSCRR theo ngành

Hoạt động tín dụng của ABBANK được đa dạng hóa trên hầu khắp các ngành để đảm bảo giảm thiểu rủi ro tín dụng tập trung, tuy nhiên vẫn tập trung ở các ngành chính sau:

- ❖ Dịch vụ cá nhân;
- ❖ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- ❖ Xây dựng;

- ❖ Công nghiệp chế biến, chế tạo;
- ❖ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Thông tin về các ngành nghề kinh tế được phân bổ theo danh sách ngành nghề theo quy định của Thông tư 35/2015/TT-NHNN quy định về chế độ báo cáo thống kê với các tổ chức tín dụng.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 5: TSCRR tín dụng theo ngành

	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	2,542	2,542
Công nghiệp chế biến, chế tạo	4,684	4,684
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	5,908	5,908
Xây dựng	11,407	11,407
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9,706	9,709
Vận tải kho bãi	1,415	1,415
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	4,870	4,904
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	3,062	3,062
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6,027	6,027
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	528	528
Dịch vụ cá nhân	21,948	21,948
Ngành khác	5,803	5,685
Tổng TSCRR tín dụng theo ngành	77,898	77,817

Xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính CAR

Thông tư 41 yêu cầu sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm độc lập (XHTNĐL) do các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập (ECAIs) cung cấp, để xác định hệ số rủi ro (HSRR) cho các loại khoản phải đòi sau:

- ❖ Chính quyền trung ương và các ngân hàng trung ương nước ngoài;
- ❖ Tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương các nước;
- ❖ Tổ chức tài chính (TCTC).

ABBANK sử dụng một cách nhất quán, theo thứ tự ưu tiên, kết quả XHTNĐL của ba ECAIs sau:

1. **Moody's Investor Service;**
2. **Standard and Poor's**
3. **Fitch Rating.**

Các ECAIs này đều thỏa mãn yêu cầu của NHNN theo quy định tại Điều 5, Thông tư 41 về:

- ❖ Tính khách quan;
- ❖ Tính độc lập;
- ❖ Tính minh bạch ;
- ❖ Tính công khai;
- ❖ Năng lực;
- ❖ Độ tin cậy.

Tại thời điểm 31/12/2021, ABBANK:

- ❖ Không có các khoản phải đòi của chính quyền và ngân hàng trung ương nước ngoài cũng như các khoản phải đòi của tổ chức công lập chính phủ và chính quyền địa phương nước ngoài;
- ❖ Chỉ các khoản phải đòi TCTC nước ngoài trên cơ sở riêng lẻ và hợp nhất.;
- ❖ Có các khoản phải đòi TCTC trong nước trên cả cơ sở riêng lẻ và hợp nhất.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 6: TSCRR tín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC nước ngoài

	<i>HSRR</i>	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
AAA đến AA-	20%	1	1
A+ đến BBB-	50%	258	258
BB+ đến B-	100%	-	-
Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	-	-
Tổng		259	259

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 7: TSCRRTín dụng theo XHTNĐL cho các TCTC trong nước

		<i>HSRR</i>	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên	AAA đến AA-	20%	-	-
	A+ đến BBB-	50%	-	-
	BB+ đến BB-	80%	-	-
	B+ đến B-	100%	209	209
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	150%	361	364
Tổng			571	574
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng	AAA đến AA-	10%	-	-
	A+ đến BBB-	20%	-	-
	BB+ đến BB-	40%	1.163	1.163
	B+ đến B-	50%	84	118
	Dưới B- hoặc Không có xếp hạng	70%	52	52
Tổng			1.299	1.332

Giảm thiểu rủi ro tín dụng

Trong số các biện pháp giảm thiểu RRTD (CRM) hợp lệ theo quy định của Thông tư 41, hiện tại, ABBANK chưa sử dụng các biện pháp giảm thiểu RRTD sau:

- ❖ Bảo lãnh của bên thứ ba;
- ❖ Sản phẩm phái sinh tín dụng.

Với biện pháp CRM bằng tài sản đảm bảo (TSĐB), các TSĐB hợp lệ theo quy định gồm:

- ❖ Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;
- ❖ Vàng (vàng tiêu chuẩn, vàng vật chất, vàng trang sức với giá trị được chuyển đổi giá trị sang vàng 99.99);

- ❖ Giấy tờ có giá do Chính phủ Việt Nam, NHNN phát hành hoặc bảo lãnh thanh toán;
- ❖ Chứng khoán nợ do chính phủ các nước, tổ chức công lập của chính phủ các nước phát hành được XHTNĐL từ BB- trở lên;
- ❖ Chứng khoán nợ do doanh nghiệp phát hành được XHTNĐL từ BBB- trở lên;
- ❖ Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội;

Quy định về CRM bằng TSĐB và bù trừ nội bảng thực hiện theo Chính sách đánh giá chất lượng Tài sản Có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn của ABBANK.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8.1: TSCR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (riêng lẻ)

	<i>RWA trước khi áp dụng CRM(*)</i>	<i>Giá trị CRM</i>	<i>RWA sau khi áp dụng CRM</i>
Khoản phải đòi Chính phủ	155	-	155
Khoản phải đòi Định chế tài chính	2.129	-	2.129
Khoản phải đòi doanh nghiệp	44.660	2.531	42.066
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	50	-	50
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	7	-	7
Khoản phải đòi Bán lẻ	27.246	3.915	23.507
Nợ xấu	1.867	0	1.867
Các loại tài sản khác	3.512	-	3.512
Tài sản ngoại bảng	4.411	-	4.606
Tổng	84.037	6.447	77.898

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 8.2: TSCRR tín dụng trước và sau áp dụng CRM (hợp nhất)	<i>RWA trước khi áp dụng CRM(*)</i>	<i>Giá trị CRM</i>	<i>RWA sau khi áp dụng CRM</i>
Khoản phải đòi Chính phủ	155	-	155
Khoản phải đòi Định chế tài chính	2.165	-	2.165
Khoản phải đòi doanh nghiệp	44.660	2.531	42.066
Khoản cho vay đảm bảo bằng bất động sản	50	-	50
Khoản cho vay thế chấp nhà ở	7	-	7
Khoản phải đòi Bán lẻ	27.246	3.915	23.507
Nợ xấu	1.867	0	1.867
Các loại tài sản khác	3.395	-	3.395
Tài sản ngoại bảng	4.411	-	4.606
Tổng Cộng	83.957	6.447	77.817

(*): Gồm cả nội bảng và ngoại bảng

Rủi ro hoạt động

Chính sách quản lý rủi ro hoạt động

Năm 2021 đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ của ABBANK trong công tác quản lý rủi ro hoạt động (RRHĐ). Phần lớn các văn bản về quản lý RRHĐ đã được rà soát và cập nhật mới đáp ứng yêu cầu của NHNN nói chung và nhu cầu vận hành thực tiễn tại ABBANK nói riêng. Trên cơ sở đó, công tác quản lý RRHĐ đối với sản phẩm mới, hoạt động thuê ngoài, rủi ro công nghệ thông tin được đặc biệt quan tâm. Các công cụ nhận diện sớm rủi ro được triển khai đồng bộ và kiện toàn hơn cả về phương pháp và tính ứng dụng cao.

Chiến lược quản lý RRHĐ

Chiến lược quản lý RRHĐ tại ABBANK tập trung vào việc tăng cường khả năng nhận diện, kiểm soát và quản lý đối với những rủi ro trọng yếu, dựa trên các nguyên tắc:

- ❖ Văn hóa quản lý rủi ro: Được thực hiện thống nhất và xuyên suốt trên toàn Ngân hàng, trong đó HĐQT và BDH giữ vai trò chủ chốt trong việc truyền tải thông điệp và thực thi các biện pháp nhằm nâng cao nhận thức về quản lý rủi ro đối với toàn thể cán bộ nhân viên.
- ❖ Cơ cấu tổ chức quản lý RRHĐ: Được xây dựng theo mô hình ba tuyến phòng vệ, đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình nhận diện và đánh giá rủi ro, tính độc lập trong giám sát và giảm thiểu rủi ro. Bao gồm:

- ❖ **Tuyến phòng vệ thứ nhất:** Các Đơn vị kinh doanh, các Khối kinh doanh và Đơn vị hỗ trợ kinh doanh được trang bị đầy đủ kỹ năng để trực tiếp nhận diện và kiểm soát rủi ro hàng ngày.
- ❖ **Tuyến phòng vệ thứ hai:** Các Đơn vị giám sát và quản trị rủi ro tập trung tại Hội sở, có chức năng chính trong việc xây dựng chính sách/ quy trình và thực thi các công cụ quản lý và kiểm soát rủi ro RRHĐ. Thực hiện chức năng giám sát độc lập trên toàn hệ thống, đảm bảo các hoạt động tại ABBANK tuân thủ các quy định nội bộ và quy định pháp luật hiện hành.
- ❖ **Tuyến phòng vệ thứ ba:** Kiểm toán nội bộ với vai trò đánh giá độc lập để đưa ra những kiến nghị khắc phục, cải tiến quy trình quản lý RRHĐ, nhằm đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.

Đo lường, theo dõi và kiểm soát RRHĐ

Các công cụ đo lường rủi ro hoạt động như: Thống kê và quản lý sự cố tổn thất (IMDC), Tự đánh giá và kiểm soát rủi ro (RCSA), Các chỉ số rủi ro chính yếu (KRIs) được điều chỉnh toàn bộ trong năm 2021 với phương pháp tiếp cận tiên tiến và hiệu quả hơn, giúp thu thập thông tin rủi ro nhanh chóng và triển khai các giải pháp giảm thiểu rủi ro kịp thời.

Quy trình quản lý RRHĐ

Quy trình quản lý RRHĐ bao gồm bốn bước Nhận diện rủi ro, Đánh giá và đo lường rủi ro, Kiểm soát và giảm thiểu rủi ro, Giám sát và báo cáo rủi ro, nhằm đảm bảo mỗi rủi ro nhận diện được báo cáo, cập nhật thường xuyên đến Lãnh đạo cấp cao, để kịp thời triển khai các biện pháp giảm thiểu tổn thất, duy trì hoạt động kinh doanh tại Ngân hàng.

Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

Công tác đảm bảo duy trì hoạt động kinh doanh (BCP) là một trong những nội dung trọng tâm, đặc biệt trong năm 2021 khi dịch bệnh có nhiều diễn biến phức tạp. Cụ thể:

- ❖ Bên cạnh Ban chỉ đạo sự cố khủng hoảng với thành viên thường trực bao gồm quản lý cấp cao, ABBANK đã thành lập thêm Tổ ứng phó dịch bệnh Covid-19 với sự tham gia điều phối chính từ Bộ phận BCP cùng nhiều thành viên đến từ các Khối/Phòng Ban Hội sở, giúp công tác ứng trực và ứng phó dịch bệnh 24/7 được duy trì liên tục, đảm bảo an toàn sức khỏe của CBNV và hoạt động kinh doanh tại ABBANK.

- ❖ Các chính sách hỗ trợ CBNV nhiễm dịch bệnh cũng được triển khai kịp thời và linh hoạt giúp CBNV an tâm công tác phục vụ khách hàng.
- ❖ ABBANK triển khai diễn tập ứng phó khủng bố/cướp tại ĐVKD giúp nâng cao ý thức cảnh giác với các loại hình tội phạm cũng như rà soát kế hoạch BCP và có những điều chỉnh phù hợp.
- ❖ ABBANK đã xây dựng và triển khai kịch bản xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố công nghệ thông tin (DRP), theo đó, các kế hoạch DRP được phối hợp đồng bộ với BCP nhằm đảm bảo cơ chế phản ứng kịp thời trước các sự cố, đảm bảo yếu tố dự phòng công nghệ thông tin vận hành an toàn và liên tục.
- ❖ Các văn bản nòng cốt như quy trình lập kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục, phương pháp đánh giá tác động từ sự cố cũng được cập nhật theo hướng tinh gọn và chặt chẽ hơn.

Năm 2021 mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh gây ra, song công tác quản lý RRHĐ vẫn được thực thi đầy đủ, tăng cường khâu giám sát từ xa, truyền thông/cảnh báo rủi ro thường xuyên giúp các Đơn vị thuộc tuyến phòng vệ thứ nhất nhận diện rủi ro hiệu quả hơn, hạn chế tổn thất phát sinh.

Bảng 9: Vốn yêu cầu cho RRHĐ

	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
IC (Thu nhập ròng từ lãi)	7.820	7.924
SC (Thu nhập ròng từ dịch vụ)	2.587	2.861
FC (Lãi/lỗ từ hoạt động Khối nguồn vốn)	3.172	2.917
BI (Chỉ số kinh doanh)	13.579	13.702
Vốn yêu cầu cho RRHĐ	679	685
Tài sản tính theo rủi ro hoạt động	8.487	8.564

Rủi ro thị trường

Chính sách quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường (RRTT) tại ABBANK bao gồm rủi ro lãi suất trên sổ kinh doanh và rủi ro ngoại hối.

Chiến lược quản lý RRTT

Chiến lược quản lý RRTT của ABBANK thể hiện qua việc kiểm soát tốt mức vốn phân bổ cho rủi ro thị trường do TGD ban hành trên cơ sở khẩu vị rủi ro do HĐQT phê duyệt, gồm:

- ❖ Hạn mức giao dịch đối với từng giao dịch viên;
- ❖ Hạn mức cắt lỗ (Stop loss);
- ❖ Hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01);
- ❖ Hạn mức giá trị chịu rủi ro tối đa;
- ❖ Hạn mức tổng trạng thái nắm giữ....

Đo lường RRTT

RRTT được đo lường thông qua các giá trị chịu rủi ro bằng cách sử dụng các phương pháp đo lường như VaR, cũng như các giới hạn tiền tệ, bao gồm trạng thái mở/đóng theo từng loại tiền tệ, các chốt chặn kiểm soát, độ nhạy đối với sự thay đổi lãi suất và dịch chuyển điểm cơ bản và kiểm tra sức chịu đựng, hạn mức giao dịch viên.

Tất cả các mô hình được kiểm soát chặt chẽ, kiểm thử, kiểm định độc lập và cập nhật theo chính sách do HĐQT phê duyệt.

Theo dõi và kiểm soát RRTT

RRTT được kiểm soát thông qua các biện pháp bao gồm thiết lập và cập nhật thường xuyên kế hoạch tự doanh, thực hiện giao dịch thông qua hệ thống CNTT tiên tiến, rà soát các giao dịch được đề xuất so với các hạn mức được phê duyệt trước khi thực hiện, thiết lập một bộ nguyên tắc, quy định đầy đủ, nghiêm ngặt và được phổ biến cụ thể đến đội ngũ nhân viên tại các bộ phận front, middle và back office cũng như bộ phận quản lý rủi ro.

Chiến lược tự doanh

Chiến lược tự doanh ngoại tệ

Dựa trên khẩu vị rủi ro và phân tích diễn biến của các biến số bằng các công cụ dự báo, bộ phận tự doanh ngoại hối kinh doanh các giao dịch mua/bán sản phẩm ngoại hối, vàng và phái sinh ngoại hối, lãi suất để thu lợi nhuận cho ngân hàng bao gồm nhưng không hạn chế:

- ❖ Tự doanh cặp ngoại tệ USD/VND: giao dịch trong hạn mức cho phép căn cứ chênh lệch giá trên thị trường
- ❖ Mua bán cặp ngoại tệ G7: dựa trên biến động các cặp ngoại tệ
- ❖ Giao dịch các sản phẩm phái sinh: căn cứ trên biến động tỷ giá, lãi suất và chênh lệch kì hạn.

Chiến lược tự doanh các công cụ thu nhập cố định (FI)

Dựa trên phân tích và nhận định thị trường, khẩu vị rủi ro, nguồn lực, quy mô của ABBANK, bộ phận tự doanh FI thực hiện các giao dịch tự doanh Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu Chính quyền địa phương (TPCP), các công cụ tài chính có lãi suất khác với chiến lược kinh doanh linh hoạt:

- ❖ Chiến lược mua bán ngắn hạn: (1) dựa trên sự biến động của lợi suất TPCP để thu lợi nhuận từ chênh lệch giữa giá mua và giá bán, (2) dựa trên biến động giá trái phiếu tương lai để đóng/mở trạng thái.
- ❖ Chiến lược Carry trade ngắn hạn: dựa trên chênh lệch giữa lợi suất trái phiếu và chi phí vốn khi đầu tư để thực hiện việc mua vào trái phiếu, nắm giữ và bán ra sau 1 thời gian xác định để thu lợi nhuận.
- ❖ Chiến lược mua bán ngắn hạn với các công cụ tài chính có lãi suất khác: mua bán ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận từ chênh lệch giá.

Danh mục thuộc sổ Kinh doanh

ABBANK đã ban hành Quy chế quản lý sổ Kinh doanh và sổ gân hàng theo đó, các khoản mục được xác định vào sổ Kinh doanh phải thỏa mãn một trong các mục đích kinh doanh:

- ❖ Thu lợi nhuận từ biến động giá trong ngắn hạn;

- ❖ Thu lợi nhuận từ kinh doanh chênh lệch giá;
- ❖ Phòng ngừa các rủi ro thị trường;
- ❖ Không bị hạn chế về khả năng mua, bán theo bất kỳ quy định nào của pháp luật và của của ABBANK;
- ❖ Có chiến lược tự doanh được ban hành theo thời kỳ của ABBANK;
- ❖ Có bộ phận kinh doanh chuyên trách trực tiếp thực hiện giao dịch;
- ❖ Có khả năng phòng ngừa rủi ro thị trường một cách đầy đủ.

Sổ kinh doanh ghi nhận các trạng thái của:

- ❖ TPCP, TPCP bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- ❖ Giao dịch hợp đồng tương lai TPCP;
- ❖ Giao dịch mua/bán ngoại tệ giao ngay, giao dịch mua/bán ngoại tệ kỳ hạn, giao dịch hoán đổi ngoại tệ;
- ❖ Giao dịch phái sinh lãi suất (hoán đổi tiền tệ chéo, hoán đổi lãi suất);
- ❖ Các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức thỏa mãn yêu cầu của sổ Kinh doanh.

Đơn vị: tỷ đồng

Bảng 10: Vốn yêu cầu cho RRTT

Riêng lẻ

Hợp nhất

	<i>Riêng lẻ</i>	<i>Hợp nhất</i>
Vốn yêu cầu cho rủi ro lãi suất	552	552
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá cổ phiếu	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro ngoại hối	80	80
Vốn yêu cầu cho rủi ro giá hàng hóa	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro cho các giao dịch quyền chọn	-	-
Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường	633	633
Tài sản tính theo rủi ro thị trường	7.910	7.910

ABBANK

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH

 Số 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, Hà Nội

 www.abbank.vn  18001159

 www.facebook.com/nganhanganbinh/

 [abbank_anbinh](https://www.instagram.com/abbank_anbinh)  [abbank- ngân hàng an bình](https://www.youtube.com/abbank-nganhanganbinh)